TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **144**/2018/HC-PT
Ngày 03/10/2018
V/v: "khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Xuân Thành.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh.**

Bà **Lê Thúy Cầu.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Văn Thị Mỹ Thảo -** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đinh Văn Chánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2017/TLPT-HC ngày 04 tháng 12 năm 2017 về việc *"khiếu kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất".* Do Bản án hành chính sơ thẩm số số 43/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Phạm Văn H** – Sinh năm 1957

Bà **Nguyễn Thị T** – Sinh năm 1963

Địa chỉ: Số 182, Tổ 14, thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Ông H và bà T đều có mặt.

2. Người bị kiện: **Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N**. Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Bà **Hồ Thị H2** - Phó Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N, Có mặt.

- Bà **Lê Phương A** – Nhân viên Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố N, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông **Phạm Hải T1** – Trưởng phòng Giải phóng mặt bằng thuộc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Khánh Hòa, Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Phạm Thị Hoàng Y** – Sinh năm 1985

- Bà **Phạm Thị Bích T2** – Sinh năm 1987

- Ông **Phạm Đỗ Đ** – Sinh năm 1991

- Ông **Phạm Đỗ T3** – Sinh năm 1994

- Ông **Phạm Đỗ Nhật T4** – Sinh năm 1998

- Bà **Tạ Thị Ngọc H1** – Sinh năm 1997

Cùng địa chỉ: Số 182, Tổ 14, thôn T, xã V thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Đều vắng mặt.

Người kháng cáo : Ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/3/2014, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND về việc thu hồi đất hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N.

Ngày 17/4/2014, Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 929/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và ngày 03/8/2015, ban hành Quyết định số 2489/QĐ-UBND về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T.

Ngày 24/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 8327/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N.

Ngày 22/11/2016, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông H và bà T đã giao nộp bản sao các văn bản: Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 8327/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, Văn bản số 130/HĐBT ngày 20/5/2014 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc về việc trả lời đơn ông Nguyễn Tấn S (đại diện tập thể), Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu; bản photo các văn bản: Quyết định thu hồi đất số 709/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố N và Thông báo áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án Quyết định thu hồi đất số 965/TB-UBND ngày 18/11/2016.

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiệc dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N và trình bày:

Căn cứ văn bản số 130/HĐBT ngày 20/5/2014 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc về việc trả lời đơn ông Nguyễn Tấn S (đại diện tập thể), hội đồng đã xác định kênh thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc có chiều rộng đáy kênh từ 70m đến 75m, chiều rộng mặt đê 6,0m. Tổng cộng, đáy kênh và mặt đê rộng khoảng 81m. Thực tế, dự án đã làm đáy kênh có chiều rộng trên 94m nhưng vẫn chưa đến đất của gia đình ông, bà. Vì vậy, thửa đất của ông, bà nằm ngoài phạm vi dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N. Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành là không đúng pháp luật. Ngoài ra, các ông, bà không có lý do gì khác và cũng không có yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông H và bà T đề nghị không đưa 06 người con của các ông, bà gồm Phạm Thị Hoàng Y, Phạm Thị Bích T2, Phạm Đỗ Đ, Phạm Đỗ T3, Phạm Đỗ Nhật T4, Tạ Thị Ngọc H1 vào tham gia tố tụng vì đây là vụ án kiện quyết định cưỡng chế thu hồi đất do đất nằm ngoài phạm vi dự án, không phải là vụ án chia thừa kế hay chia tài sản chung. Sáu (06) người con của các ông, bà đã ký tên trong đơn trình bày, nhờ các ông, bà nộp cho Tòa án và các ông, bà đã giao nộp đầy đủ.

Tại các văn bản gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện trình bày:

Căn cứ Quyết định số 1825/QĐ-UB ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N, Hồ sơ địa chính đối với khu đất thực hiện dự án, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00534 QSDĐ/VT-NT ngày 08/12/1998 do Ủy ban nhân dân thành phố N cấp cho hộ ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T, Biên bản kiểm kê khối lượng giải tỏa ngày 08/9/2009, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất và Giấy xác nhận nguồn gốc đất số 806/XN-UBND ngày 23/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã V, diện tích 548,8m^2 đất tại thôn T, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa thuộc một phần thửa đất số 681, tờ bản đồ địa chính số 4, xã V (tương ứng một phần thửa đất số 163 – mảnh số 3, bản đồ Trích đo địa chính khu đất số 08/2010/TĐBĐ do Xí nghiệp đo đạc bản đồ - chi nhánh Công ty Địa chính Khánh Hòa thiết lập và Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa xác nhận ngày 29/3/2010) do hộ ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T sử dụng thuộc dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N phải thu hồi.

Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc thu hồi đất, Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông H và bà T.

Ủy ban nhân dân thành phố N và các đoàn thể đã nhiều lần thông báo, vận động hộ ông H và bà T nhận tiền, nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông H không đồng ý và không bàn giao mặt bằng.

Ngày 24/11/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành Quyết định số 8327/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N.

Việc thu hồi đất và ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất được thực hiện theo đúng trình tự pháp luật quy định. Vì vậy, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Với nội dung nêu trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số số 43/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định.

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 4 tháng 10 năm 2017 ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T, vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.Trên cơ sở xem xét đánh giá khách quan toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N được triển khai thực hiện theo Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 27/10/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt dự án đầu tư công trình hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến cầu sông Tắc. Theo Quyết định số 1825/QĐ-UBND, chủ đầu tư dự án là Ban Quản lý dự án các công trình giao thông – thủy lợi đã ban hành Quyết định số 74/QĐ-QLDA ngày 19/01/2010 về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc. Tại Điều 2 Quyết định số 74/QĐ-QLDA có nội dung:*"Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt là căn cứ để thi công xây dựng"*.

[2] Để thực hiện dự án, Ủy ban nhân dân thành phố N đã ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND ngày 19/3/2014 về việc thu hồi đất, Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 17/4/2014 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và Quyết định số 2489/QĐ-UBND ngày 03/8/2015 về việc phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông H và bà T. Ông H và bà T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số

929/QĐ-UBND nêu trên và Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã ban hành bản án phúc thẩm số 02/2016/HC-PT ngày 10/5/2016, bác yêu cầu khởi kiện của ông H, bà T, đồng thời, xác định rõ không có cơ sở xác định đất của Ông, Bà bị thu hồi nằm ngoài dự án. Như vậy quyết định hành chính về việc thu hồi đất, và quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

[3] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện ông H và bà T đã nhiều lần được thông báo, vận động để nhận tiền, nhận đất tái định cư và bàn giao mặt bằng nhưng hộ ông H không đồng ý và không bàn giao mặt bằng. Vì vậy, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N ban hành quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24/11/2015 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định tại Điều 69 và khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Quá trình thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất là đúng trình tự quy định. Trong hồ sơ vụ án thể hiện hộ gia đình ông H đã nhiều lần được chính quyền xã, thôn cùng ban giải phóng mặt bằng tống đạt thông báo cưỡng chế nhưng hộ gia đình không nhận. Ngày 24 tháng 11 năm 2016 chính thức có văn bản thực hiện việc cưỡng chế xong.

[4] Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá chứng cứ, căn cứ vào các quy định của pháp luật, để không chấp nhận đơn khởi kiện của ông H là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà T không cung cấp chứng cứ nào mới cần được xem xét, do vậy đơn kháng cáo của ông H, bà T không có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí: Ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 43/2017/HCST ngày 28 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Bác toàn bộ yêu cầu của ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T đối với yêu cầu hủy Quyết định số 8327/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T để thực hiện dự án hệ thống thoát lũ từ cầu PV về đến đầu sông Tắc, thành phố N.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000369 ngày 19 /10/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành